

Số: 175/KH-THLC

Dân Hòa, ngày 10 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường tiểu học;
- Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018;
- Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp Tiểu học;
- Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020 – 2021;
- Căn cứ Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học;
- Căn cứ Công văn số 1855/SGDĐT-GDPT ngày 15/6/2020 của Sở GDĐT Hà Nội về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học;
- Căn cứ Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học;
- Căn cứ Công văn số 3999/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp tiểu học.
- Căn cứ Công văn số 3060/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học.
- Căn cứ Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;
- Căn cứ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về Quy định danh mục các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội

- Căn cứ Công văn số 2367/UBND-KGVX ngày 19/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố;

- Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Căn cứ Công văn số 1099 /SGDĐT-GDPT ngày 11/4/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học;

- Thực hiện Quyết định số 2269/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025 -2206 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 4400/QĐ- UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hà Nội; Công văn số 4555/BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025 -2026; Công văn số 4567/BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026; Công văn số 3526/SGDĐT-GDTH ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Sở GDĐT Hà Nội về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2025 – 2026.

Căn cứ tình hình thực tế, trường Tiểu học Liên Châu xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội địa phương

Trường Tiểu học Liên Châu là một trường Tiểu học thuộc xã Dân Hòa, thành phố Hà Nội. Xã Dân Hòa nằm ở phía nam thành phố Hà Nội, được thành lập từ 5 xã cũ: Cao Xuân Dương, Dân Hòa, Tân Ước, Liên Châu, Hồng Dương. Thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, xã Dân Hòa đang duy trì phát triển kinh tế dựa trên những nền tảng cũ và những giải pháp mới.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026

2.1. Đặc điểm học sinh của nhà trường

Khối	Sĩ số	Nữ	Đội viên	HS quá tuổi	HS dân tộc	con TB, LS, CS	HS khuyết tật	HS đánh giá ngoài	HS mồ côi, nghèo, HCKK
1	136	64	0		0	0	3		2

2	111	59	0		0	0	0		2
3	119	57	0		0	0			0
4	125	54	125		0	0	2		1
5	134	60	134		0	0	0		5
TỔNG	625	294	259	25	0	0	5		10

- Số HS tham gia ăn bán trú: 284 HS

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

	Tổng số		Biên chế hợp đồng		T.độ lý luận	Đăng viên	Trình độ đào tạo				Cân đối	
	TS	Nữ	B/chế	H/đồng			Trên ĐH	ĐH	CD	TC	Thừa	Thiếu
Quản lý	2	2	2	0	2	2	1	1	0	0	0	0
GV cơ bản	19	17	14	5	1	12	0	18	0	1	0	6
GV C/biệt	8	5	8	0	0	6	0	6	2	0	0	0
<i>Â.nhạc</i>	2	1	2	0	0	1	0	2	0	0	0	0
<i>M.thuật</i>	1	1	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0
<i>Thể dục</i>	2	0	2	0	0	2	0	1	1	0	0	0
<i>T.Anh</i>	2	2	2	0	0	1	0	2	0	0	0	0
<i>Tin học</i>	1	1	1	0	0	1	0	1	0	0	0	1
TPT đội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nhân viên	5	2	3	2	0	5	0	2	0	2	0	0
<i>Kế toán</i>	1	1	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0
<i>Văn thư</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<i>Thư viện</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
<i>TBị</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<i>Y tế</i>	1	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0
<i>Thủ quỹ</i>	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0
<i>Nhân viên khác</i>	2	0	0	2	0	2	0	1	0	0	0	0
- Tổng số	34	26	27	7	3	25	1	27	2	3	0	6

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

STT	Các hạng mục công trình					
-----	-------------------------	--	--	--	--	--

		Số phòng hiện có	Diện tích m ²	Số phòng đang xây mới	Số phòng còn thiếu nhưng đã có theo dự án được phê duyệt	Ghi chú
A	Tổng diện tích nhà trường		18393			
	Diện tích sân chơi		6000			
	Diện tích bãi tập		0			
B	Khối phòng hành chính quản trị					
1	Phòng Hiệu trưởng	1	40			
2	Phòng Phó HT	1	20	1		
3	Văn phòng	1	40	0		
4	Phòng bảo vệ	2	12	0		
5	Khu vệ sinh giáo viên	1	15	1		
6	Khu để xe giáo viên	1	40	1		
C	Khối phòng học tập					
1	Phòng học	18	40	2		
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	52	1		
3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	52	1		
4	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	0	0	2		
5	Phòng học bộ môn Tin học	1	40	1		
6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1	52	1		
7	Phòng đa chức năng	0	0	2		
D	Khối phòng hỗ trợ học tập					
1	Thư viện	2	104	0		
2	Phòng thiết bị giáo dục	1	52	0		
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh KT	1	20	0		
4	Phòng Đội Thiếu niên	1	20	0		
5	Phòng truyền thống	1	40	0		
E	Khối phụ trợ					
1	Phòng họp	1	60	0		

2	Phòng Y tế	1	20	1		
3	Nhà kho	0	0	1		
4	Khu để xe học sinh	2	200	0		
5	Khu vệ sinh học sinh	6	90	2		
6	Phòng nghỉ giáo viên	1	20	1		
7	Phòng giáo viên 10 lớp 1 phòng	0	0	1		
8	Khu sân chơi, thể dục thể thao	0	0	0		
9	Sân trường	2	6000	0		
10	Sân thể dục thể thao	0	0	4		
11	Nhà đa năng	1	300	0		
F	Khối phục vụ sinh hoạt					
1	Nhà bếp	0	0	0		
2	Kho bếp	0	0	0		
3	Nhà ăn	1	105	1		
4	Nhà ở nội trú	0	0	0		
5	Phòng quản lý học sinh	0	0	0		
6	Phòng sinh hoạt chung	0	0	0		

- Các phòng học đều có đủ bàn ghế với kích thước đúng quy định, phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học, có đủ bàn ghế cho giáo viên, bảng chống lóa, tủ đựng đồ dùng dạy học, hệ thống ánh sáng tự nhiên, ánh sáng nhân tạo phù hợp, đảm bảo chất lượng. Các lớp có hệ thống quạt, đảm bảo điều kiện học tập thuận lợi, giữ gìn sức khỏe cho học sinh. Các lớp học được sắp xếp gọn gàng, trang trí đúng quy cách, đảm bảo tính sư phạm, được vệ sinh sạch sẽ hàng ngày;

- 100% các lớp được trang bị, ti vi hoặc máy chiếu projector, kết nối internet đảm bảo cho việc khai thác và sử dụng đồ dùng dạy học có ứng dụng CNTT;

- Nhà trường quan tâm đầu tư xây dựng trường học điện tử, lớp học thông minh: Nâng cấp đường truyền internet ở các lớp học, phòng chức năng; mua và cài đặt bổ sung SGK điện tử phần mềm dạy học cho các khối lớp; mua bài giảng bồi dưỡng kỹ năng CNTT cho giáo viên;

- Các phòng chức năng được trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho các hoạt động dạy học và giáo dục của nhà trường;

- Thư viện được bổ sung sách truyện, sách tham khảo cần thiết thường xuyên cho giáo viên, học sinh;

- Nhà trường kí hợp đồng với công ty để sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị thường xuyên;

- Khung cảnh lớp học, trường học được chăm lo thường xuyên đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp, thân thiện;

- Phòng ăn, ngũ bán trú đảm bảo đủ trang thiết bị, sạch, gọn gàng, đúng quy định.

3. Đánh giá thuận lợi, khó khăn

3.1. Thuận lợi

Trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể, ban đại diện CMHS. Trường có truyền thống đoàn kết - dân chủ. Năm học 2024 – 2025, trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, yêu nghề, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, hưởng ứng sôi nổi các phong trào thi đua của trường, của ngành, của Đảng và nhà nước. Cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học trong thời điểm hiện tại.

3.2. Khó khăn

Trường có 2 điểm trường cách xa nhau 2 km nên ảnh hưởng đến công tác quản lý và việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Đội ngũ giáo viên thiếu nhiều, kĩ năng ứng dụng CNTT của một số giáo viên còn hạn chế. Cán bộ, giáo viên, nhân viên chủ yếu ở địa phương khác cách xa trường nên thời gian tham gia một số hoạt động ngoại khóa ở trường có phần bị hạn chế. Một số phụ huynh chưa thật sự quan tâm đến việc học của con. Một số gia đình học sinh chưa tích cực tham gia bảo hiểm y tế cho học sinh.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh việc thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục phổ thông theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết 71/NQ-TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 về đột phá giáo dục;

- Nhà trường tiếp tục khẳng định là niềm tin của gia đình và xã hội, tiếp tục xây dựng mô hình “Trường học an toàn, thân thiện, hấp dẫn”, tạo điều kiện cho mỗi học sinh được phát triển bình đẳng, phát huy năng lực riêng, hình thành phẩm chất theo mục tiêu giáo dục;

- Quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy năng lực giáo viên cốt cán trong công tác tự bồi dưỡng, có kế hoạch thực hiện hiệu quả hơn nữa nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện tốt việc triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018, sách giáo khoa mới đối với lớp 5.

- Quan tâm bồi dưỡng kĩ năng sống, tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp đối tượng học sinh tiểu học, thực tế nhà trường, đúng quy định.

2. Chỉ tiêu cụ thể

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- 100% học sinh học 02 buổi/ngày; 100% học sinh khối lớp 1, 2 được học môn Tự chọn (tiếng Anh) 02 tiết/tuần (trong đó 01 tiết có yếu tố nước ngoài); học

sinh lớp 1, 2, 3, 4, 5 được học Kỹ năng sống 02 tiết/tuần và Hoạt động củng cố kiến thức 02 tiết/tuần.

- 100% học sinh có phẩm chất tốt, biết kính trọng thầy cô, người lớn tuổi; biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp và có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- 100% học sinh được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

- 91% học sinh lớp 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học; số học sinh rèn luyện trong hè: 4 em = 1%; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học; - Số HS khuyết tật học hòa nhập: 05 HS

2.1. Kết quả đánh giá các môn học và hoạt động giáo dục (%):

TT	Môn học	TS HS được đánh giá	Hoàn thành Tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
	Khối 1	136						
1	Tiếng Việt	136	55	40,4	77	56,6	4	2,9
2	Toán	136	55	40,4	77	56,6	4	2,9
3	Đạo đức	136	55	40,4	81	59,6	0	0,0
4	TNXH	136	55	40,4	81	59,6	0	0,0
5	Âm nhạc	136	55	40,4	81	59,6	0	0,0
6	Mĩ thuật	136	55	40,4	81	59,6	0	0,0
7	GDTC	136	55	40,4	81	59,6	0	0,0
8	HĐTN	136	55	40,4	81	59,6	0	0,0
	Khối 2	111						
1	Tiếng Việt	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0
2	Toán	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0
3	Đạo đức	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0
4	TNXH	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0
5	Âm nhạc	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0
6	Mĩ thuật	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0
7	GDTC	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0
8	HĐTN	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0
	Khối 3	119					0	0,0
1	Tiếng Việt	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
2	Toán	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0

3	Đạo đức	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
4	TNXH	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
5	Âm nhạc	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
6	Mĩ thuật	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
7	GDTC	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
8	HĐTN	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
9	Công nghệ	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
10	Tin học	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
11	Tiếng Anh	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
	Khối 4	125					0	0,0
1	Tiếng Việt	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
2	Toán	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
3	Đạo đức	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
4	Khoa học	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
5	LS và ĐL	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
6	Âm nhạc	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
7	Mĩ thuật	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
8	GDTC	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
9	HĐTN	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
10	Công nghệ	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
11	Tin học	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
12	Tiếng Anh	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
	Khối 5	134					0	0,0
1	Tiếng Việt	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
2	Toán	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
3	Đạo đức	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
4	Khoa học	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
5	LS và ĐL	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
6	Âm nhạc	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
7	Mĩ thuật	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
8	GDTC	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
9	HĐTN	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
10	Công nghệ	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0

11	Tin học	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
12	Tiếng Anh	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0

Kết quả đánh giá Năng lực– Phẩm chất (%)

a. Những phẩm chất chủ yếu

Nội dung phẩm chất	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Khối 1	136						
Yêu nước	136	70	51,5	66	48,5	0	0,0
Nhân ái	136	70	51,5	66	48,5	0	0,0
Chăm chỉ	136	70	51,5	66	48,5	0	0,0
Trung thực	136	70	51,5	66	48,5	0	0,0
Trách nhiệm	136	70	51,5	66	48,5	0	0,0
Khối 2	111					0	
Yêu nước	111	56	50,5	55	49,5	0	0,0
Nhân ái	111	56	50,5	55	49,5	0	0,0
Chăm chỉ	111	56	50,5	55	49,5	0	0,0
Trung thực	111	56	50,5	55	49,5	0	0,0
Trách nhiệm	111	56	50,5	55	49,5	0	0,0
Khối 3	119					0	
Yêu nước	119	60	50,4	59	49,6	0	0,0
Nhân ái	119	60	50,4	59	49,6	0	0,0
Chăm chỉ	119	60	50,4	59	49,6	0	0,0
Trung thực	119	60	50,4	59	49,6	0	0,0
Trách nhiệm	119	60	50,4	59	49,6	0	0,0
Khối 4	125					0	
Yêu nước	125	63	50,4	62	49,6	0	0,0
Nhân ái	125	63	50,4	62	49,6	0	0,0
Chăm chỉ	125	63	50,4	62	49,6	0	0,0
Trung thực	125	63	50,4	62	49,6	0	0,0
Trách nhiệm	125	63	50,4	62	49,6	0	0,0
Khối 5	134					0	
Yêu nước	134	68	50,7	66	49,3	0	0,0
Nhân ái	134	68	50,7	66	49,3	0	0,0
Chăm chỉ	134	68	50,7	66	49,3	0	0,0
Trung thực	134	68	50,7	66	49,3	0	0,0
Trách nhiệm	134	68	50,7	66	49,3	0	0,0

b. Những năng lực cốt lõi:

*** Những năng lực chung**

Nội dung năng lực	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Khối 1	136						
Tự chủ và tự học	136	60	44,1	76	55,9	0	0,0
Giao tiếp và hợp tác	136	60	44,1	76	55,9	0	0,0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	136	60	44,1	76	55,9	0	0,0
Khối 2	111					0	
Tự chủ và tự học	111	50	45,0	61	55,0	0	0,0
Giao tiếp và hợp tác	111	50	45,0	61	55,0	0	0,0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	111	50	45,0	61	55,0	0	0,0
Khối 3	119					0	
Tự chủ và tự học	119	54	45,4	65	54,6	0	0,0
Giao tiếp và hợp tác	119	54	45,4	65	54,6	0	0,0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	119	54	45,4	65	54,6	0	0,0
Khối 4	125					0	
Tự chủ và tự học	125	57	45,6	68	54,4	0	0,0
Giao tiếp và hợp tác	125	57	45,6	68	54,4	0	0,0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	125	57	45,6	68	54,4	0	0,0
Khối 5	134					0	
Tự chủ và tự học	134	61	45,5	73	54,5	0	0,0
Giao tiếp và hợp tác	134	61	45,5	73	54,5	0	0,0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	134	61	45,5	73	54,5	0	0,0

*** Những năng lực đặc thù**

Nội dung năng lực	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Khối 1	136						
Ngôn ngữ	136	60	44,1	76	55,9	0	0,0
Tính toán	136	60	44,1	76	55,9	0	0,0
Khoa học	136	60	44,1	76	55,9	0	0,0
Thẩm mỹ	136	60	44,1	76	55,9	0	0,0
Thể chất	136	60	44,1	76	55,9	0	0,0
Khối 2	111					0	

Ngôn ngữ	111	50	45,0	61	55,0	0	0,0
Tính toán	111	50	45,0	61	55,0	0	0,0
Khoa học	111	50	45,0	61	55,0	0	0,0
Thâm mĩ	111	50	45,0	61	55,0	0	0,0
Thể chất	111	50	45,0	61	55,0	0	0,0
Khối 3	119					0	
Ngôn ngữ	119	54	45,4	65	54,6	0	0,0
Tính toán	119	54	45,4	65	54,6	0	0,0
Khoa học	119	54	45,4	65	54,6	0	0,0
Thâm mĩ	119	54	45,4	65	54,6	0	0,0
CN	119	54	45,4	60	54,6	0	0,0
Tin học	119	54	45,4	60	54,6	0	0,0
Thể chất	119	54	45,4	65	54,6	0	0,0
Khối 4	125					0	
Ngôn ngữ	125	57	45,6	68	54,4	0	0,0
Tính toán	125	57	45,6	68	54,4	0	0,0
Khoa học	125	57	45,6	68	54,4	0	0,0
Thâm mĩ	125	57	45,6	68	54,4	0	0,0
CN	125	57	45,6	68	54,4	0	0,0
Tin học	125	57	45,6	68	54,4	0	0,0
Thể chất	125	57	45,6	68	54,4	0	0,0
Khối 5	134					0	
Ngôn ngữ	134	61	45,5	73	54,5	0	0,0
Tính toán	134	61	45,5	73	54,5	0	0,0
Khoa học	134	61	45,5	73	54,5	0	0,0
Thâm mĩ	134	61	45,5	73	54,5	0	0,0
CN	134	61	45,5	73	54,5	0	0,0
Tin học	134	61	45,5	73	54,5	0	0,0
Thể chất	134	61	45,5	73	54,5	0	0,0

c. Các môn đánh giá bằng điểm số:

Khối	Môn	TSH S	Hoàn thành tốt				Hoàn thành								Chưa hoàn thành	
			Điểm 10		Điểm 9		Điểm 8		Điểm 7		Điểm 6		Điểm 5		SL	%
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Toán	136	25	18,4	28	20,6	15	11,0	15	11,0	20	14,7	29	21,3	4	2,9
	T. Việt		25	18,4	28	20,6	15	11,0	15	11,0	20	14,7	29	21,3	4	2,9
2	Toán	111	20	18,0	27	19,9	14	12,6	14	12,6	19	17,1	17	19,8	0	0,0
	T. Việt		20	18,0	27	19,9	14	12,6	14	12,6	19	17,1	17	19,8	0	0,0
3	Toán	119	21	17,6	26	19,1	16	13,4	16	13,4	20	16,8	20	19,5	0	0,0
	T. Việt		21	17,6	26	19,1	16	13,4	16	13,4	20	16,8	20	19,5	0	0,0
	Tin học		21	17,6	26	19,1	16	13,4	16	13,4	20	16,8	20	19,5	0	0,0
	CN		21	17,6	26	19,1	16	13,4	16	13,4	20	16,8	20	19,5	0	0,0
	T. Anh		21	17,6	26	19,1	16	13,4	16	13,4	20	16,8	20	19,5	0	0,0
4	Toán	125	20	16,0	23	18,4	17	13,6	17	13,6	22	17,6	26	20,8	0	0,0
	T. Việt		20	16,0	23	18,4	17	13,6	17	13,6	22	17,6	26	20,8	0	0,0
	Tin học		20	16,0	23	18,4	17	13,6	17	13,6	22	17,6	26	20,8	0	0,0
	CN		20	16,0	23	18,4	17	13,6	17	13,6	22	17,6	26	20,8	0	0,0
	Khoa		20	16,0	23	18,4	17	13,6	17	13,6	22	17,6	26	20,8	0	0,0
	Sử, địa		20	16,0	23	18,4	17	13,6	17	13,6	22	17,6	26	20,8	0	0,0
	T. Anh		20	16,0	23	18,4	17	13,6	17	13,6	22	17,6	26	20,8	0	0,0
5	Toán	134	20	14,9	24	17,9	16	11,9	16	11,9	21	15,7	28	27,6	0	0,0
	Tin học		20	14,9	24	17,9	16	11,9	16	11,9	21	15,7	28	27,6	0	0,0
	CN		20	14,9	24	17,9	16	11,9	16	11,9	21	15,7	28	27,6	0	0,0
	T. Việt		20	14,9	24	17,9	16	11,9	16	11,9	21	15,7	28	27,6	0	0,0
	Khoa		20	14,9	24	17,9	16	11,9	16	11,9	21	15,7	28	27,6	0	0,0
	Sử, địa		20	14,9	24	17,9	16	11,9	16	11,9	21	15,7	28	27,6	0	0,0
	T. Anh		20	14,9	24	17,9	16	11,9	16	11,9	21	15,7	28	27,6	0	0,0

d. Các môn đánh giá bằng nhận xét:

TT	Môn học	TS HS được đánh giá	Hoàn thành Tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
	Khối 1	136						
1	Đạo đức	136	55	40,4	77	56,6	4	2,9
2	TNXH	136	55	40,4	77	56,6	4	2,9
3	Âm nhạc	136	55	40,4	81	59,6	0	0,0
4	Mĩ thuật	136	55	40,4	81	59,6	0	0,0
5	GDTC	136	55	40,4	81	59,6	0	0,0
6	HĐTN	136	55	40,4	81	59,6	0	0,0
	Khối 2	111						
1	Đạo đức	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0
2	TNXH	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0
3	Âm nhạc	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0
4	Mĩ thuật	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0
5	GDTC	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0

6	HĐTN	111	45	40,5	66	59,5	0	0,0
	Khối 3	119					0	0,0
1	Đạo đức	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
2	TNXH	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
3	Âm nhạc	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
4	Mĩ thuật	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
5	GDTC	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
6	HĐTN	119	48	40,3	71	59,7	0	0,0
	Khối 4	125					0	0,0
1	Đạo đức	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
2	Âm nhạc	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
3	Mĩ thuật	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
4	GDTC	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
5	HĐTN	125	50	40,0	75	60,0	0	0,0
	Khối 5	134					0	0,0
1	Đạo đức	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
2	Âm nhạc	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
3	Mĩ thuật	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
4	GDTC	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0
5	HĐTN	134	54	40,3	80	59,7	0	0,0

2.3. Bồi dưỡng học sinh nổi trội:

Danh hiệu Học sinh	Khối										Tổng cộng	
	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		SL	%
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
	136		111		119		125		134		625	
Đầu trường Vioedu	25	18,4	25	22,52	25	21,0	20	16,0	20	14,9	115	18,4
Giao lưu chữ đẹp lớp 1,2,3	3	2,2	4	3,604	3	2,5		0,0		0,0	10	2,7
Giao lưu học sinh tiểu học lớp 4,5		0,0		0		0,0	10	8,0	10	7,5	20	7,7
TĐTT cấp xã	2	1,5	2	1,8	2	1,7	2	1,6	2	1,5	10	1,6
TĐTT cấp TP	0	0,0	0	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Olympic TA cấp xã	0	0,0	0	0	0	0,0	0	0,0	5	3,7	5	0,8

Olympic TA thành phố	0	0,0	0	0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Khen thưởng HSHTXS cuối năm học.	40	29,4	35	31,53	35	29,4	35	28,0	40	29,9	185	29,6
HS khen tiêu biểu	18	13,2	20	18,02	21	17,6	22	17,6	24	17,9	105	16,8
HS đạt cháu ngoại Bác Hồ.	110	80,9	90	81,08	95	79,8	100	80,0	105	78,4	500	80,0
Lớp tiên tiến	3	100	2	100	1	100	2	100	2	100	10	56
Lớp vở sạch chữ đẹp	3	50	2	50	1	50	2	67	2	40	10	55,6

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục .

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
1. Môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TN&XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
6	Nghệ thuật (ÂN, MT)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
7	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
8	Tin học & Công nghệ							70	36	34	70	36	34	70	36	34
9	Ngoại ngữ							140	72	68	140	72	68	140	72	68
11	LS&ĐL										70	36	34	70	36	34
12	Khoa học										70	36	34	70	36	34

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
2. Môn học tự chọn																
	Tiếng Anh	70	36	34	70	36	34									
14.	Hoạt động củng cố	70	36	34	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
15	Tăng cường LMT				35	18	17									
16	Tăng cường LGDTC	35	18	17	35	18	17	35	18	17						
17	Tăng cường LAN	35	18	17	35	18	17	35	18	17						
18	Đọc sách	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học.

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
9	Truyền thống nhà trường	Tìm hiểu truyền thống nhà trường	Tại lớp	Tuần 1,2	GV-HS	Toàn trường

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
10	An toàn giao thông	Tuyên truyền, tìm hiểu, thực hiện ATGT	Tập trung	Tuần 2,3	Học sinh	Toàn trường
11	Yêu quý thầy cô giáo	Hội thi văn nghệ Chào mừng ngày 20/11	Tập trung	10/11-20/11	Học sinh	Toàn trường
12	Uống nước nhớ nguồn	Các hoạt động kỉ niệm ngày 22/12	Tập trung	15/12 – 22/12	Học sinh	Toàn trường
01	Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc	Tuyên truyền ngày Tết cổ truyền	Tại các lớp	Tuần 1,2,3,4	GV-HS	Toàn trường
02	Mừng Đảng, mừng xuân	Hát múa về mùa xuân và về Đảng	Tại lớp	Tuần 2,4	GV-HS	Toàn trường
3	Yêu quý mẹ và cô	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, giáo dục kĩ năng sống	Tại lớp	1/3 – 29/3	Học sinh	GVCN
4	Hòa bình hữu nghị	Tuyên truyền Ngày Giải phóng Miền Nam	Tập trung	10/4-15/4	Học sinh	Toàn trường

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
5	Mừng sinh nhật Bác; Mừng Đội ta trưởng thành	Thi kể chuyện về Bác Hồ, thi tìm hiểu về Đội TNTP Hồ Chí Minh	Tại lớp	2/5 – 20/5	Học sinh	GVCN

2.2. Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính khoá trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường.

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Bán trú	Tổ chức ăn, ngủ	học sinh từ lớp 1 đến lớp 5	10h30 – 13h45 từ thứ Hai → thứ Sáu	Phòng bán trú	
2	CLB Kỹ năng sống	Rèn luyện kỹ năng sống	Học sinh lớp 1,2,3,4,5	2 tiết/ tuần	Lớp học	
3	Tiếng Anh tự chọn	Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh	Học sinh lớp 1, 2	2 tiết/ tuần	Phòng Ngoại ngữ	

TUẦN DỰ TRỮ							
KHỐI LỚP	Ngày 12/01/2026	Ngày 13/01/2026	Ngày 14/01/2026	Ngày 15/01/2026	Ngày 16/01/2026	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	<i>Thứ Hai</i>	<i>Thứ Ba</i>	<i>Thứ Tư</i>	<i>Thứ Năm</i>	<i>Thứ Sáu</i>		
1	Ôn tập	<i>Kiểm tra định kì cuối học kì I môn Toán, Tiếng Việt</i>	<i>Chấm bài KTĐK cuối học kì I môn Toán, Tiếng Việt</i>	Ôn tập	<i>Nghỉ học kì I</i>		
2	Ôn tập			Ôn tập			
3	Ôn tập			Ôn tập			
4	Ôn tập			Ôn tập			
5	Ôn tập			Ôn tập			
Tổng số tiết/tuần/khối lớp			19				
TỔNG HỢP							
TT	Nội dung						Ghi chú
		Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối lớp 4	Khối lớp 5	
1	Tiếng Việt						
2	Toán						
3	Đạo đức						
4	Tự nhiên và Xã hội						
5	Giáo dục thể chất						
6	Nghệ thuật (ÂN, MT)						
7	Hoạt động trải nghiệm						
8	Tin học và Công nghệ						
9	Tiếng Anh						
10	Khoa học						
11	Lịch sử và Địa Lí						
12	Tự chọn (tiếng Anh)						
13	Hoạt động củng cố						
14	Tăng cường L.MT						
15	Tăng cường L.GDTC						
16	Kỹ năng sống						
17	Độc sách						
TỔNG							

TUẦN DỰ TRỮ							
KHỐI LỚP	Ngày 25/5/2026	Ngày 26/5/2026	Ngày 27/5/2026	Ngày 28/5/2026	Ngày 29/5/2026	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu		
1	Kiểm tra định kì cuối học kì II môn Toán, Tiếng Việt	Chấm bài KTĐK cuối học kì II môn Toán, Tiếng Việt	Ôn tập	Ôn tập	Tổng kết năm học		
2			Ôn tập	Ôn tập			
3			Ôn tập	Ôn tập			
4			Ôn tập	Ôn tập			
5			Ôn tập	Ôn tập			
Tổng số tiết/tuần/khối lớp			11				
TỔNG HỢP							
TT		Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối lớp 4	Khối lớp 5	Ghi chú
1	Tiếng Việt						
2	Toán						
3	Đạo đức						
4	Tự nhiên và Xã hội						
5	Giáo dục thể chất						
6	Nghệ thuật (ÂN, MT)						
7	Hoạt động trải nghiệm						
8	Tin học và Công nghệ						
9	Tiếng Anh						
10	Khoa học						
11	Lịch sử và Địa Lí						
12	Tự chọn (tiếng Anh)						
13	Hoạt động củng cố						
14	Tăng cường L.MT						
15	Tăng cường L.GDTC						
16	Kỹ năng sống						
17	Đọc sách						
TỔNG							

4. Khung thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch các môn học, hoạt động giáo dục

Theo Quyết định số 4400/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội.

	Học kỳ I (18 tuần)	Học kỳ II (17 tuần)	
--	--------------------	---------------------	--

Thời gian học	Ngày bắt đầu HKI	Ngày kết thúc HKI	Ngày nghỉ HKI	Ngày bắt đầu HKII	Ngày kết thúc HKII	Ngày kết thúc năm học
9 tháng	05/9/2025	15/01/2026	16/01/2026	19/01/2026	29/5/2026	30/5/2026

Tại trường Tiểu học Liên Châu, thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở tất cả các khối lớp. Ngoài các tiết theo quy định, nhà trường tăng cường thêm các tiết Đọc sách, Hoạt động cùng cô, các tiết Luyện Mỹ thuật lớp 2, tiết Luyện GDTC (lớp 1; 2;3), Luyện Âm nhạc lớp 1,2,3; Tự chọn (tiếng Anh) (lớp 1; 2), Kỹ năng sống (lớp 1; 2; 3; 4; 5), mỗi tiết 35 phút, mỗi tuần có 10 buổi, có 34 tiết/tuần.

Đảm bảo thực hiện đủ, đúng chương trình giáo dục tiểu học, bố trí thời gian học tập trên lớp, ở nhà; thời gian ăn nghỉ, vui chơi và tham gia các hoạt động xã hội hợp lý, không gây quá tải cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên bậc học tiếp theo.

2. Bảng tổng hợp kế hoạch dạy học

Bảng phân phối chương trình lớp 1, lớp 2 - Học kỳ 1

Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng số tiết
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	216
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	450
Tiếng Anh (tự chọn)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Hoạt động cùng cô	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tăng cường L. AN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tăng cường L. GDTC	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Kỹ năng sống	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Đọc sách	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết/tuần	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	612

Bảng phân phối chương trình lớp 1, lớp 2 - Học kỳ 2

Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Lịch sử-Địa lí	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	510
HĐ cùng cố	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Đọc sách	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Kỹ năng sống	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	17
Tổng số tiết/tuần	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	578

Đối với khối lớp 1

Thời gian		Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
Buổi	Tiết					
Sáng	1	HĐTN	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	2	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	3	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	GDTC
	4	TNXH	Đạo đức	Toán	Toán	HĐTN
Chiều	1	Âm nhạc	TNXH	HĐTN	Mỹ thuật	HĐCC
	2	GDTC	Luyện AN	Đọc sách	HĐCC	Tự chọn (TA)
	3	L.GDTC	GDKNS	GDKNS	Tự chọn (TA)	

Đối với khối lớp 2

Thời gian		Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
Buổi	Tiết					
Sáng	1	HĐTN	Toán	Toán	Toán	Toán
	2	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	3	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	4	Tiếng Việt	Âm nhạc	Đạo đức	TNXH	HĐTN
Chiều	1	TNXH	GDTC	GDTC	HĐTN	Mỹ thuật
	2	Đọc sách	Luyện AN	Luyện GDTC	HĐCC	Luyện MT

	3	Tự chọn (TA)	Tự chọn (TA)	GDKNS	GDKNS	
--	---	--------------	--------------	-------	-------	--

Đối với khối lớp 3

Thời gian		Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
Buổi	Tiết					
Sáng	1	HĐTN	Toán	Toán	Toán	Toán
	2	Toán	GDTC	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	3	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Công nghệ	TNXH
	4	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TNXH	HĐTN	HĐTN
Chiều	1	Đạo đức	Mỹ thuật	TA	TA	HĐCC
	2	GDTC	Tin học	AN	Luyện GDTC	Luyện AN
	3	Độc sách	TA	GDKNS	GDKNS	

Đối với khối lớp 4

Thời gian		Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
Buổi	Tiết					
Sáng	1	HĐTN	Toán	Toán	Toán	Toán
	2	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	3	Tiếng Việt	Tiếng Anh	TA	KH	Lịch sử-Địa lí
	4	Tiếng Việt	Âm nhạc	GDTC	HĐTN	HĐTN
Chiều	1	Đạo đức	Khoa học	Tin học	CN	HĐCC
	2	Tiếng Anh	LS-ĐL	TA	MT	Độc sách
	3	GDTC	TA	GDKNS	GDKNS	

Đối với lớp 5

Thời gian		Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
Buổi	Tiết					
Sáng	1	HĐTN	Toán	Toán	Toán	Toán
	2	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Anh
	3	Tiếng Việt	Tiếng Việt	AN	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	4	Tiếng Việt	Tiếng Anh	LS-ĐL	Công nghệ	HĐTN
Chiều	1	Đạo đức	Khoa học	GDTC	HĐTN	GDTC
	2	Khoa học	LS-ĐL	Độc sách	Tiếng Anh	HĐCC
	3	Mỹ thuật	Tin học	GDKNS	GDKNS	

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Rà soát, sắp xếp đủ số phòng học, phòng chức năng cho năm học 2025-2026, bố trí đủ bàn ghế, tủ, đèn, quạt, bảng biểu, các đồ dùng thiết yếu cho các phòng học, phòng chức năng;
- Sửa chữa, thay thế thiết bị, hệ thống đèn, hành lang các khu nhà, lớp học, sân trường, phòng chức năng.
- Trang trí cây xanh ở các khu nhà vệ sinh học sinh và GV.
- Hoàn tất các thủ tục thanh lí CSVC hết khấu hao, mua mới bổ sung máy tính, ti vi, bàn ghế thay thế tài sản thanh lí.
- Bổ sung thiết bị, sách truyện, sách tham khảo phục vụ giáo viên, học sinh cho thư viện.
- Sửa chữa hệ thống loa đài, âm thanh;
- Sửa chữa, trang trí khu vực sân khấu làm khu trung tâm diễn ra các hoạt động giáo dục văn hóa của nhà trường;
- Sửa chữa bàn ghế HS bị hư hỏng, bong tróc;
- Bảo trì, bảo dưỡng máy tính, trang thiết bị dạy học hiện đại ở các khối lớp;
- Rà soát lại hệ thống điện trong nhà trường; hệ thống cửa ra vào các lớp thay thay khóa để đảm bảo an toàn cho HS.
- Sắp xếp các khu nhà kho gọn gàng, khoa học.
- Gắn biển tại các phòng làm việc.
- Rà soát sửa chữa, bảo trì hệ thống camera an ninh, hệ thống wifi các khu nhà trong toàn trường.

2. Quan tâm bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí

- Tăng cường vai trò của Hiệu trưởng trong công tác quản trị trường học. Thực hiện tốt công tác công khai, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực theo chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn Phó Hiệu trưởng;
- Tuyên truyền, bồi dưỡng, tập huấn cho CB-GV-NV về tư tưởng chính trị, đạo đức nhà giáo, kiến thức pháp luật, các qui định của ngành, chịu trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện nề nếp, kỉ cương trường học;
- Thực hiện tốt việc đánh giá, xếp loại CB - VC hàng tháng;
- Thực hiện đánh giá giáo viên theo qui định về chuẩn nghề nghiệp, đây là cơ sở và căn cứ để giáo viên tự đánh giá bản thân từ đó có kế hoạch phấn đấu chuyên môn nghiệp vụ - đạo đức - nhân cách của mình. Triển khai công tác bồi dưỡng giáo viên theo chương trình bồi dưỡng thường xuyên;
- Tổ chức các lớp bồi dưỡng tập huấn nâng cao năng lực tổ chức dạy học cho đội ngũ GV về thực hiện Chương trình GDPT 2018. Tham gia đầy đủ và nghiêm túc các buổi tập huấn của Phòng GDĐT, sở GDĐT.
- Bồi dưỡng kĩ năng ứng dụng CNTT cho CB, GV, NV đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chuyển đổi số, tập huấn và sử dụng trí tuệ nhân tạo AI trong giảng dạy.

- Nhà trường chủ động trong việc mời chuyên gia tập huấn cho giáo viên về chuyên môn, công tác chủ nhiệm, ứng dụng CNTT, các phần mềm hỗ trợ cho việc dạy học, tăng cường sử dụng trang thiết bị CNTT đẩy mạnh công tác chuyển đổi số; SKKN, kỹ năng giao tiếp, xây dựng trường học hạnh phúc, ...;

- Phát huy năng lực đội ngũ giáo viên cốt cán trong công tác tự bồi dưỡng theo mô hình: “Giáo viên của giáo viên, học sinh của giáo viên”

- Xây dựng tập thể giáo viên thành một khối đoàn kết, phát huy hết khả năng của mỗi người; Tạo cơ hội để mỗi cán bộ, giáo viên được phát huy khả năng sáng tạo, đóng góp kinh nghiệm nâng cao chất lượng giáo dục;

- Nghiêm túc thực hiện Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ GDĐT về “Quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông” tới toàn thể cán bộ, giáo viên; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 18/8/2020 của UBND thành phố Hà Nội về thực hiện Đề án “Xây dựng văn hoá ứng xử trong trường học giai đoạn 2020-2025”; giao lưu học tập, trao đổi kinh nghiệm quản trị trường học, công tác chuyên môn giữa các trường trong và ngoài quận nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng giáo dục;

- Tham gia phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học. Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo và tổ chức hiệu quả tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp xã, cấp Thành phố đạt kết quả cao; thành lập nhóm nhà giáo cùng nhau phát triển, triển khai mô hình “giáo viên của giáo viên”, “học sinh của giáo viên”. Giao lưu học tập, trao đổi công tác chuyên môn với các trường trong và ngoài quận nhằm tiếp cận vận dụng các phương pháp dạy học mới, hiện đại, tiên tiến trong nước và quốc tế, đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018;

- Tiếp tục rà soát trình độ đào tạo giáo viên đạt chuẩn theo quy định của Luật giáo dục 2019; khuyến khích CB-GV tham gia tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, phấn đấu hoàn thành tỉ lệ 100% giáo viên đạt chuẩn theo quy định tại Luật Giáo dục 2019 trong năm học 2025-2026;

- Bồi dưỡng và kết nạp 1 đến 2 quần chúng vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt chuyên môn nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn

- Thực hiện đúng quy định về việc sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn CV số 1315/BGDĐT-GDTH ra ngày 16/4/2020 và CV số 1855/SGDĐT-GDPT ngày 15/6/2020. Vận dụng linh hoạt, phù hợp điều kiện thực tế, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua dự giờ, nghiên cứu nội dung bài học, trao đổi, tọa đàm, tập huấn với chuyên gia...

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên tham gia tổ, nhóm chuyên môn cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, SGK mới;

- Nâng cao chất lượng buổi sinh hoạt chuyên môn, tập trung vào các nội dung: Thống nhất kế hoạch thực hiện chương trình, thảo luận trao đổi bàn cách thực hiện giảng

dạy những bài có nội dung khó, mới. Chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chức dạy minh họa, đẩy mạnh chuyển đổi số trong dạy và học, thống nhất thực hiện chuyên đề và trao đổi kinh nghiệm trong giảng dạy, cách ứng dụng CNTT, kĩ thuật dạy học mới, tháo gỡ khó khăn về đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới các hoạt động đánh giá học sinh, các nội dung dạy học tích hợp.... Thực hiện thường xuyên việc bồi dưỡng chuyên môn cho GV thông qua các buổi sinh hoạt tổ, chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi nội dung đổi mới về phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học mới...;

- Thực hiện linh hoạt công văn 1315/BGD về sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học cho phù hợp với thực tế nhà trường đối với tuần có tiết chuyên đề hoặc không có tiết chuyên đề.

4. Xây dựng trường học điện tử, lớp học thông minh

- Nâng cấp đường truyền Internet trong toàn trường; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học. Lắp đặt thêm camera theo dõi an ninh, an toàn trong nhà trường;

- Phát huy vai trò của tổ công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp về các kĩ năng CNTT, sử dụng chữ kí số phục vụ việc dạy học, triển khai học bạ số từ khối 1 đến khối 5 theo hướng dẫn.

- Tiếp tục sử dụng mail nội bộ để chuyển các văn bản của các cấp và các nội dung khác tới toàn thể CB-GV-NV trong nhà trường thường xuyên;

- Triển khai sử dụng hệ thống quản lý hồ sơ điện tử tích hợp với CSDL để ứng dụng chữ kí số trong quản lý dạy học và kiểm tra hồ sơ chuyên môn.

- Khai thác hiệu quả các phần mềm: Quản lý CB-GV-NV; Tài chính, tài sản; Tuyển sinh trực tuyến và sử dụng hồ sơ điện tử; eNetViet...;

- Cài đặt SGK điện tử các môn học; phần mềm dạy học các môn;

- Tiếp tục duy trì, làm giàu học liệu trên thư viện điện tử, khai thác hiệu quả thư viện điện tử trong dạy và học.

- Triển khai việc tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo các tiêu chuẩn, tiêu chí quy định của Bộ GDĐT, duy trì đạt mức độ 3 trong công tác chuyển đổi số của nhà trường.

- Bổ sung bài giảng điện tử, bài giảng E-learning có chất lượng vào kho học liệu. Trong đó mỗi giáo viên nộp ít nhất 5 bài giảng điện tử và 1 bài giảng E-learning trong năm học. Các bài giảng được phân bổ đều ở tất cả các môn học và ở các khối lớp;

- Cập nhật kết quả học sinh trên phần mềm đảm bảo chính xác. Phân công BGH phụ trách các khối kiểm soát việc cập nhật kết quả trước khi đưa lên phần mềm. Rà soát học sinh chuyển đi, chuyển đến trên phần mềm, tránh bị làm sai;

- Phân công BGH và giáo viên Tin học quản trị trang Website của trường thường xuyên cập nhật và đăng bài.

5. Tổ chức dạy học Tiếng Anh và giáo dục kỹ năng công dân số

- Đảm bảo đủ số lượng giáo viên dạy Tiếng Anh (02 giáo viên) đáp ứng chương trình GDPT 2018 ở khối 3; 4; 5.

- Lớp 3, lớp 4, lớp 5: Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học bắt buộc theo quy định của Chương trình GDPT 2018 (*04 tiết Tiếng Anh/tuần, 01 tiết Tin học/tuần*);
- Thực hiện chương trình Tiếng Anh tự chọn khối 1, 2 (2 tiết/tuần).
- Tổ chức Olympic Tiếng Anh đối với học sinh lớp 5. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chương trình, kết quả giảng dạy môn Tiếng Anh tự chọn.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát về chất lượng dạy học Tiếng Anh trong nhà trường;
- Khuyến khích giáo viên, học sinh học Tiếng Anh qua truyền hình, các phương tiện truyền thông qua các hình thức như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu.

6. Tổ chức dạy học Tin học và giáo dục kỹ năng công dân số

- Triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân theo CV 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 vv Hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp Tiểu học.
- Nâng cao hiệu quả dạy học môn Tin học để thực hiện yêu cầu giáo dục Kỹ năng số cho HS.
- Chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát chương trình các môn học đối chiếu với khung năng lực số để thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học/hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT để học sinh được tiếp cận, hình thành các kỹ năng học tập, nghiên cứu sáng tạo. Tổng hợp các địa chỉ tích hợp theo môn, hoạt động giáo dục thể hiện trong kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục của các tổ khối.
- Quan tâm dạy bổ trợ kỹ năng công dân số cho HS lớp 1; 2 qua các môn học, hoạt động giáo dục, câu lạc bộ...
- Tăng cường tổ chức các hoạt động có nội dung Tin học, đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy thông qua dạy học môn Tin học.
- Rà soát, sửa chữa, mua bổ sung đồ dùng dạy học, đảm bảo đủ máy tính cho học sinh học tập tại phòng Tin học; trang bị đầy đủ máy tính, bàn ghế cho 2 phòng tin học.
- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên dạy Tin học. Ban giám hiệu tăng cường dự giờ, rút kinh nghiệm giúp giáo viên giảng dạy có chất lượng và hiệu quả.

7. Thực hiện hiệu quả dạy học nội dung giáo dục “Địa phương em” và tổ chức dạy học giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương theo hình thức linh hoạt (tích hợp vào các môn học, hoạt động giáo dục hoặc dạy riêng từng bài theo thống nhất của tổ chuyên môn trong tiết GDDP) cùng một số nội dung trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 với hình thức linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải đối với

học sinh;

- Tổ chức dạy học mạch nội dung giáo dục “*Địa phương em*” cần được thực hiện trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác nhằm đảm bảo nguyên tắc xây dựng chương trình của môn học và được tổ chức đánh giá học sinh như các mạch nội dung khác trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4, thực hiện theo hướng dẫn tại CV 5576/BGDĐT-GDTH vv hướng dẫn biên soạn, thẩm định nội dung GD “*Địa phương em*” trong chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 cấp Tiểu học.

- Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, thăm đơn vị kết nghĩa, chăm sóc tượng đài liệt sĩ x.... nhằm cung cấp câ Liên Châu cho học sinh những hiểu biết cơ bản về văn hoá, lịch sử truyền thống, các vấn đề về địa lí - kinh tế, chính trị - xã hội và môi trường của xã Liên Châu, của huyện Thanh Oai. Thông qua đó, hình thành và bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, đất nước, có mong muốn tìm hiểu và biết vận dụng những điều đã học vào việc làm thực tế để góp phần bảo tồn những giá trị văn hoá của địa phương.

8. Triển khai giáo dục STEM

- Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục thực hiện giáo dục STEM bảo đảm chất lượng, theo định hướng Chương trình GDPT 2018 phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng đáp ứng của nhà trường; có kế hoạch và chương trình giảng dạy chi tiết. Bài học được chọn là những vấn đề mang tính thời sự, phù hợp với lứa tuổi học sinh, giúp học sinh thấy được khoa học gắn với cuộc sống. Khuyến khích học sinh tham gia sáng tạo các sản phẩm khoa học – công nghệ để ứng dụng vào thực tiễn.

- Tổ chức giáo dục STEM dưới hình thức tổ chức cho học sinh tham gia sinh hoạt các câu lạc bộ về tìm hiểu khoa học theo nhu cầu, nguyện vọng của CMHS và lồng ghép trong kế hoạch giáo dục môn học.

- 100% các khối lớp triển khai chuyên đề và dạy học các môn học/hoạt động giáo dục thực hiện giáo dục STEM theo hướng dẫn.

- Có kế hoạch tập huấn hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục STEM cho GV toàn trường.

- Tăng cường sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác phù hợp với nhà trường theo quy định.

9. Dạy học đối với học sinh khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

- Nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật, xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật. Bảo đảm các điều kiện để trẻ khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ CB, GV về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục

tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

- Tiếp tục hướng dẫn CMHS hoàn thiện hồ sơ cấp thẻ cho HS thuộc đối tượng khuyết tật đảm bảo quyền lợi cho các em.

10. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức, mô hình tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

10.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống;

- Triển khai dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột; thực hiện dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới; vận dụng “*Sơ đồ tư duy*” vào tổ chức dạy học một số môn học phù hợp;

- Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bố hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình;

- Cơ sở vật chất: đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định;

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; không để tình trạng “*học sinh ngồi nhàm lớp*”;

- Tổ chức đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học;

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ; nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020; Công văn số 1855/SGDĐT-GDPT ngày 15/6/2020 của Sở GDĐT hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp Tiểu học; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên;

- Tập trung đổi mới phương pháp dạy - học trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức và kỹ năng các môn học, vận dụng linh hoạt, đảm bảo tính vừa sức phù hợp với trình độ và khả năng nhận thức của học sinh. Khuyến khích giáo viên vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực như dạy học theo dự án, bản đồ tư duy...; giảm yêu cầu học thuộc lòng, nhớ máy móc; coi trọng thực hành vận dụng, khuyến khích khả năng sáng tạo của học sinh để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục;

- Đẩy mạnh giáo dục STEM và STEAM; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống hàng ngày;

- Đối với học sinh lớp 4, lớp 5, giáo viên hướng dẫn và rèn luyện cho học sinh

kỹ năng ghi nhớ và khả năng tự học. Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập kiểm tra đánh giá theo chuẩn kiến thức kỹ năng để giáo viên tham khảo, học sinh luyện tập và vận dụng sáng tạo các nội dung đã học;

- Giáo viên chủ động đề xuất các nội dung phương pháp tổ chức thực hiện để nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn;

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao năng lực và phẩm chất học sinh: Tổ chức cho giáo viên dự giờ học tập đồng nghiệp, nhân rộng điển hình;

- Tham dự, học hỏi, vận dụng hiệu quả các chuyên đề cấp trên tổ chức.

- Xây dựng và thực hiện tốt các chuyên đề trong năm học.

10.2. Đa dạng hóa mô hình tổ chức dạy học

- Nhà trường tổ chức cho giáo viên tham gia các lớp tập huấn Ứng dụng CNTT trong giảng dạy, sử dụng các phần mềm dạy học, thực hiện các giải pháp CNTT để xây dựng mô hình lớp học thông minh;

- Triển khai dạy học tích hợp các nội dung giáo dục linh hoạt theo các hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế. Khuyến khích đưa vào kế hoạch giáo dục nhà trường những nội dung giáo dục tiên tiến theo các mô hình giáo dục hiện đại phù hợp với thực tế;

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống. Tăng cường tổ chức các hoạt động học tập ngoài lớp học phù hợp với nội dung các môn học, hoạt động giáo dục và phù hợp với thực tiễn.

- Thực hiện dạy học gắn kết giữa lí thuyết với thực hành; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống hàng ngày của học sinh. Lòng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh, chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo,...

- Xây dựng và quản lý tốt môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh, dân chủ, an toàn, chất lượng và bình đẳng. Chuyển mạnh các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa sang hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống. Tổ chức tốt công tác tư vấn tâm lý cho học sinh; xây dựng trường học hạnh phúc với 03 tiêu chí: yêu thương, an toàn và tôn trọng. Tham gia giải Bóng đá Thiếu niên huyện Thanh Oai.

10.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

- Thực hiện nghiêm túc việc nhận xét, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh từ khối 1 đến khối 5 theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT;

- Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho CMHS và dư luận xã hội;

- Biên soạn đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Chương trình GDPT 2018; tổ chức kiểm tra định kỳ đối với môn Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ theo Thông tư số

27/2020/TT-BGDĐT;

- Môn Tin học và Công nghệ: GV Tin học và GV cơ bản cùng tham gia đánh giá chung (GV cơ bản chịu trách nhiệm ghi và đánh giá của môn Tin học và Công nghệ);

- Quan tâm chất lượng giáo dục đại trà, thực hiện nghiêm túc việc khảo sát học sinh lớp 5 các môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh (*không lấy kết quả khảo sát làm căn cứ đánh giá, xếp loại học sinh*) do Phòng giáo dục tổ chức, thông tin tới CMHS về mục đích, ý nghĩa của kì khảo sát; Thông qua kết quả khảo sát, Ban giám hiệu chỉ đạo giáo viên tăng cường giải pháp bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

11. Tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục dạy học 2 buổi/ ngày một cách linh hoạt, sắp xếp thời khóa biểu khoa học, hợp lý đảm bảo 7 tiết/ngày, quản lý học sinh sau giờ chính khóa đối với những học sinh có nhu cầu, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày, tuần phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi Tiểu học, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn, tham gia các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện theo mục tiêu cấp học.

- Tập trung đổi mới hình thức dạy buổi thứ hai phù hợp với nhu cầu của học sinh. Chú ý các nội dung thực hành kiến thức đã học; giúp đỡ học sinh chưa hoàn thành, vươn lên hoàn thành yêu cầu học tập, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu. Khuyến khích học sinh tính tích cực, chủ động, tự giác, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, tuyệt đối không giao bài tập về nhà với học sinh, không dạy thêm và tổ chức dạy thêm đối với học sinh tiểu học. 100% giáo viên ký cam kết với nhà trường không vi phạm việc tổ chức dạy thêm, học thêm.

- Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được CMHS đón về nhà.

- Dự giờ, thăm lớp, kiểm tra thường xuyên, đột xuất chất lượng hoạt động dạy và học của giáo viên, học sinh quan tâm chất lượng các tiết dạy tăng cường, bổ trợ, hướng dẫn học ở buổi học thứ hai.

- Tiếp tục tăng cường các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giáo viên, đẩy mạnh xã hội hóa để đảm bảo các điều kiện chuẩn bị cho việc triển khai chương trình, sách giáo khoa theo CTGDPT 2018; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; khắc phục triệt để tình trạng "*học sinh ngồi nhầm lớp*".

12. Tổ chức, tham gia các cuộc thi

- Tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm giỏi cấp trường theo tinh thần dạy đủ môn và ở các khối lớp theo Thông tư số 02/TT-BGDĐT ngày 20/02/2019 về việc ban hành Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cơ sở giáo dục phổ thông. Tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện.

- Thi thiết kế bài giảng E-learning cấp trường, cấp huyện.

- Tổ chức các hội thi cấp trường khác theo công văn, hướng dẫn của xã
- Tổ chức cho HS tham gia các cuộc thi do Sở GDĐT Tổ chức, các đơn vị tổ chức: Olympic Tiếng Anh lớp 5. Khuyến khích học sinh tham gia các sân chơi: Đấu trường VioEdu, sân chơi Kỹ năng sống...
- Tích cực tham gia các cuộc thi do Bộ GDĐT, Thành phố, Sở GDĐT, xã phát động.

V. PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

Đ/c Hoàng Thị Minh: Phụ trách chung; Công tác tổ chức; Thi đua - khen thưởng, kỉ luật; Tài chính; Chuyên môn các môn cơ bản; Trưởng ban công tác kiểm tra nội bộ; Chủ tịch Hội đồng trường; Trưởng Ban chỉ đạo các cuộc vận động; Công tác tiếp dân; công tác kiểm tra nội bộ...

2. Phó Hiệu trưởng

2.1. Đ/c Phạm Thị Kim Tuyền

Phụ trách các mảng: Phong trào, thư viện, phụ trách các môn chuyên biệt, cơ sở vật chất, phòng chống cháy nổ, an ninh trường học, phụ trách csdl, hsdt, trang website; Công tác lao động, vệ sinh. Công tác Y tế, Chử thập đỏ. Phong trào Người tốt-việc tốt,

3. Tổng phụ trách Đội

- Kết hợp với Phó Hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.
- Phối hợp với chi đoàn, GVCN, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt tập thể toàn trường.
- Thành lập các ban của Liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

4. Giáo viên, nhân viên

- Hoàn thành nhiệm vụ được giao theo từng thời gian quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn của Sở, của Phòng và của nhà trường.
- Nghiêm chỉnh chấp hành các nội quy, quy chế làm việc của nhà trường; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đúng các quy định về nghĩa vụ, đạo đức, tuân thủ pháp luật.
- Chủ động, tích cực tham gia vào phong trào thi đua. Giảng dạy, giáo dục học sinh đạt hiệu quả cao.
- Gương mẫu về đạo đức cho học sinh noi theo. Tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ lí luận chính trị, ngoại ngữ, công tác chủ nhiệm, tin học...

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường của trường Tiểu học Liên Châu năm học 2025-2026. Đề nghị các tổ chuyên môn triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các bộ phận chủ động báo cáo BGH để được hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

